

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 06/7/2023

V/v tranh dân sự chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Bà Quách Thị Hồng Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 năm 2023 và ngày 03, 6 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLST-DS ngày 22/02/2023 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Bé H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khóm b, Phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022)

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Huỳnh Vĩ T1, sinh năm 1973

2.2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1967

Người đại diện hợp pháp cho bà M: Ông Huỳnh Vĩ T1 (theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023)

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa có mặt ông H, ông T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T ủy quyền cho ông Trần Văn Bé H trình bày:***

Năm 2022, ông Nguyễn Ngọc T có cho ông Huỳnh Vĩ T1 và bà Trần Thị M vay tiền cụ thể:

- Ngày 10/3/2022 cho vay số tiền 25.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận.

- Ngày 01/4/2022 cho vay 15.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận là 01 tháng 15 ngày.

Khi vay tiền ông T1 và bà M có làm biên nhận. Sau khi vay ông T1 và bà M có đóng lãi đến tháng 10/2022 được số tiền tổng cộng là 29.000.000đ, nhưng ông T không nhớ cụ thể tiền lãi đã nhận của từng khoản vay. Về số tiền vốn vay đến nay ông T1 và bà M chưa trả.

Nay ông T yêu cầu ông T1 và bà M trả số tiền vốn 40.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với ý kiến của ông T1, bà M cho rằng số tiền 29.000.000đ mà ông T1, bà M đã trả là tiền vốn, phía ông T không đồng ý. Ông T cũng không đồng ý với ý kiến của bị đơn về việc đề nghị tính lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử với mức lãi suất 1% và căn trừ số tiền 29.000.000đ vào tổng số tiền vốn, lãi mà ông T1, bà M phải trả.

Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu gì khác.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Huỳnh Vĩ T1 và Trần Thị M (bà M ủy quyền cho ông T1) trình bày:***

Ông T1 và bà M thống nhất có vay tiền của ông T cụ thể:

- Ngày 10/3/2022 vay số tiền 25.000.000đ, thỏa thuận mỗi ngày góp 500.000đ, góp được 20 ngày số tiền là 10.000.000đ thì ngưng, còn lại 15.000.000đ tiền vốn chưa trả.

- Ngày 01/4/2022 vay tiếp 15.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng 15 ngày.

Cộng số tiền ngày 10/3/2022 còn nợ là 15.000.000đ và 15.000.000đ vay ngày 01/4/2022 là 30.000.000đ. Sau đó, ông T1 và bà M tiếp tục góp được 38 lần x 500.000đ thành tiền là 19.000.000đ, còn lại 11.000.000đ tiền vốn đến nay chưa trả.

Về tiền lãi khi vay các bên chưa có thỏa thuận cụ thể mức lãi suất phải đóng, ông T nói chỉ lấy tiền cả phê nhưng cụ thể nhiều chưa thỏa thuận. Ông T1, bà M xác định số tiền 29.000.000đ đã trả cho ông T là tiền vốn, không phải tiền lãi.

Nay ông T1, bà M đồng ý trả cho ông T số tiền vốn 40.000.000đ, đồng ý trả lãi cho ông T với mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền vốn vay 25.000.000đ tính

từ ngày 10/3/2022 và mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền vốn vay 15.000.000đ tính từ ngày 01/4/2022 đến ngày Tòa án xét xử. Đồng thời đề nghị căn trừ số tiền 29.000.000đ mà ông T đã nhận vào tổng số tiền vốn, lãi mà ông T1 bà M phải trả.

Ngoài ra, ông T1 và bà M không còn ý kiến gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T1 và bà M trả cho ông T số tiền là 17.202.000đ

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật

(Có văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu ông Huỳnh Vĩ T1, bà Trần Thị M. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn hiện cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Huỳnh Vĩ T1 và bà Trần Thị M trả số tiền vốn 40.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Ông T1 và bà M thừa nhận có vay của ông T số tiền 40.000.000đ, các bên có làm biên nhận vào ngày 10/3/2022 và ngày 01/4/2022. Như vậy tình tiết này đã được các bên đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được xác định là tình tiết có thật.

Về phía bị đơn ông T1, bà M trình bày sau khi vay có trả vốn cho ông T nhiều lần được số tiền là 29.000.000đ nhưng ông T không thừa nhận và ông T1, bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền 29.000.000đ đã trả cho ông T là tiền vốn.

Do đó, căn cứ vào biên nhận ngày 10/3/2022 và biên nhận ngày 01/4/2022 có đủ cơ sở xác định giữa ông T với ông T1, bà M có xác lập hợp đồng vay tài sản

theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Theo đó, sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Nên ông T1, bà M phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vốn là 40.000.000đ.

[2.2] Về mức lãi suất cho vay: Mặc dù, biên nhận vay tiền ngày 10/3/2022, ngày 01/4/2022 không thể hiện lãi suất vay. Nhưng theo nguyên đơn ông T thừa nhận lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng và ông T thừa nhận có nhận của ông T1, bà M số tiền lãi là 29.000.000đ nhưng ông T cũng không xác định được số tiền lãi cụ thể của từng khoản vay nào.

Về phía bị đơn ông T1, bà M xác định khi vay các bên có thỏa thuận phải trả lãi nhưng chưa thỏa thuận cụ thể mức lãi suất phải trả bao nhiêu. Nay ông T1, bà M đồng ý trả lãi cho ông T với mức lãi suất 1%/tháng nhưng yêu cầu phải cản trừ số tiền 29.000.000đ mà ông T đã nhận vào số tiền vốn, lãi ông T1, bà M phải trả.

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất cho vay như sau:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, mức lãi suất thỏa thuận mà nguyên đơn thừa nhận 10%/tháng đã vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định pháp luật. Hơn nữa, giữa ông T, ông T1 và bà M cũng không thống nhất về mức lãi suất cho vay. Do đó, căn cứ theo quy định trên thì mức lãi suất để áp dụng giải quyết trong trường hợp này được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T1, bà M đồng ý trả lãi cho ông T với mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền vốn vay 25.000.000đ tính từ ngày 10/3/2022 và số tiền vay 15.000.000đ tính từ ngày 01/4/2022 đến ngày Tòa án xét xử. Xét thấy, việc ông T1, bà M đồng ý trả lãi cho ông T với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay trên tổng số tiền vốn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, số tiền lãi mà ông T1, bà M phải trả cho ông T cụ thể:

- Số tiền vốn vay 25.000.000đ, tính từ ngày 10/3/2022 đến ngày 03/7/2023 là 15 tháng 23 ngày x 1%/tháng = 3.942.000đ

- Số tiền vốn vay 15.000.000đ, tính từ ngày 01/4/2022 đến ngày 03/7/2023 là 15 tháng 02 ngày x 1%/tháng = 2.260.000đ.

Tổng số tiền vốn, lãi ông T1, bà M phải trả cho ông T là 46.202.000đ, cản trừ số tiền 29.000.000đ mà Thành đã nhận còn lại ông T1 và bà M. Như vậy, ông

T1 và bà M còn phải trả cho ông T số tiền là 17.202.000đ.

Trên cơ sở những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc ông T1 và bà M liên đới trả cho ông T số tiền là 17.202.000đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 1.139.900đ (40.000.000đ – 17.202.000đ x 5%). Do ông T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và có đơn hợp lệ nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông T1, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận là 860.000đ (17.202.000đ x 5%).

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu ông Huỳnh Vĩ T1, bà Trần Thị M trả nợ.

- Buộc ông Huỳnh Vĩ T1, bà Trần Thị M liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền là 17.202.000đ (Mười bảy triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng)

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.139.900đ. Do ông Nguyễn Ngọc T thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn hợp lệ nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông Huỳnh Vĩ T1, bà Trần Thị M liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số

tiền là 860.000đ (Tám trăm sáu mươi ngàn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp;
- Viện Kiểm sát ND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THA Dân sự TP. Sa Đéc;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy